

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

**Xã Thống Nhất, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình**

**Tel: 02183.858280**

**Fax:**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2015**

**Hòa Bình, ngày 04 tháng 04 năm 2016**

## **I. THÔNG TIN CHUNG:**

### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH
- Giấy CNĐKKD : Số 5400227011 cấp lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 14, ngày 11 tháng 09 năm 2015 do phòng đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp.
- Vốn điều lệ : 290.755.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu đồng)
- Địa chỉ : Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
- Số điện thoại : 02183.858280
- Website : [www.khb.com.vn](http://www.khb.com.vn)
- Mã cổ phiếu : KHB

### **2. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình tiền thân là Xí nghiệp than Kim Bôi, được thành lập từ năm 1963. Đến năm 1987 Xí nghiệp được đổi tên thành Xí nghiệp Phân lân Hòa Bình. Năm 1992, Xí nghiệp có tên gọi là Xí nghiệp Khai khoáng – Cung ứng vật tư xây dựng Công nghiệp Hòa Bình. Do nhu cầu thực tiễn của tình hình mới, đến năm 1994 Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình đã có Quyết định sáp nhập 3 xí nghiệp là: Xí nghiệp khai khoáng Cung ứng vật tư xây dựng Công nghiệp, Xí nghiệp khai thác than Lạc Thủy và Xí nghiệp sản xuất Vật liệu xây dựng Lạc Thủy và lấy tên là Công ty cung ứng Vật tư khoáng sản Hòa Bình.

Ngày 31 tháng 10 năm 2003 công ty được Nhà nước giao cho tập thể người lao động theo Quyết định số: 1887/QĐ – UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình.

Công ty chính thức mang tên là Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình vào ngày 23 tháng 12 năm 2003.

Năm 2009 Công ty đã vinh dự nhận cúp vàng “ Doanh nghiệp hội nhập và phát triển” của liên bộ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công thương, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam và Ban tuyên giáo TW dành cho những Doanh nghiệp tiêu biểu, có những thành tích trong kinh doanh và quản trị xuất sắc trong quá trình hội nhập.

Ngày 19/05/2010, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, số cổ phiếu niêm yết ban đầu là: 1.270.000 cổ phiếu. Mã cổ phiếu là: KHB

Ngày 16/09/2010, Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số: 673/UBCK – GCN của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

### 3. Quá trình phát triển

#### a. Ngành nghề kinh doanh

Trồng rừng và chăm sóc rừng;

Khai thác, thu gom than;

Khai thác quặng kim loại;

Sản xuất kim loại;

Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim như gạch, vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi, thạch cao,...

Xây dựng nhà các loại;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (giao thông, thủy lợi);

Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng; lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước và hệ thống xây dựng khác;

Bán ô tô, xe có động cơ, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ;

Bán buôn bán lẻ: Than đá và nhiên liệu rắn khác; gạch ngói xây, đá, cát, sỏi;

Vận tải hàng hóa đường bộ;

Vận tải đường thủy nội địa;

#### b. Tình hình hoạt động

##### b.1 Các chủng loại sản phẩm

1	<p><b><u>Các sản phẩm từ quặng đá Talc</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>✓ Dạng quặng nguyên khai</li><li>✓ Bột đá từ mịn đến siêu mịn, kích cỡ từ 1 – 30<math>\mu</math>;</li><li>✓ Đá trang trí, đá xẻ; ốp lát.</li></ul> <p><b><u>Thị trường tiêu thụ</u></b></p> <p>Cung cấp làm nguyên liệu đầu vào cho ngành vật liệu xây dựng, giấy, dược phẩm, mỹ phẩm, gạch,... thị trường trong nước và xuất khẩu Nhật và Hàn Quốc, Trung Quốc.</p>
2	<p><b><u>Các sản phẩm từ đá trắng CaCO<sub>3</sub></u></b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>✓ Bột CaCO<sub>3</sub> siêu mịn kích cỡ từ 1-30<math>\mu</math>; CaCO<sub>3</sub> mịn từ 30-70 <math>\mu</math>;</li><li>✓ Đá khối; đá viên;</li><li>✓ Đá xẻ tấm;</li></ul> <p><b><u>Thị trường tiêu thụ</u></b></p> <p>Dùng làm nguyên liệu cho ngành vật liệu xây dựng, cao su, nhựa, ngành sơn, bột bả cho xây dựng dân dụng và xây dựng công nghiệp; nguyên liệu để sản xuất gốm, sứ, thủy tinh cao cấp và học vụ làm ống nhựa kỹ thuật cho ngành viễn thông và điện lực;</p>
3	<p><b><u>Các sản phẩm từ quặng đá Quartz (Thạch anh)</u></b></p> <p>Bột Silic với kích cỡ từ 40<math>\mu</math> đến 70<math>\mu</math>, và kích thước hạt từ 0.5cm đến 2cm.</p>



**Các sản phẩm từ quặng Than**

✓ Than cám loại 4 và loại 5;

**Thị trường tiêu thụ:**

4 Phục vụ làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện trong nước, phân bón, phụ gia cho xi măng,...

**Các sản phẩm từ quặng Đolômit**

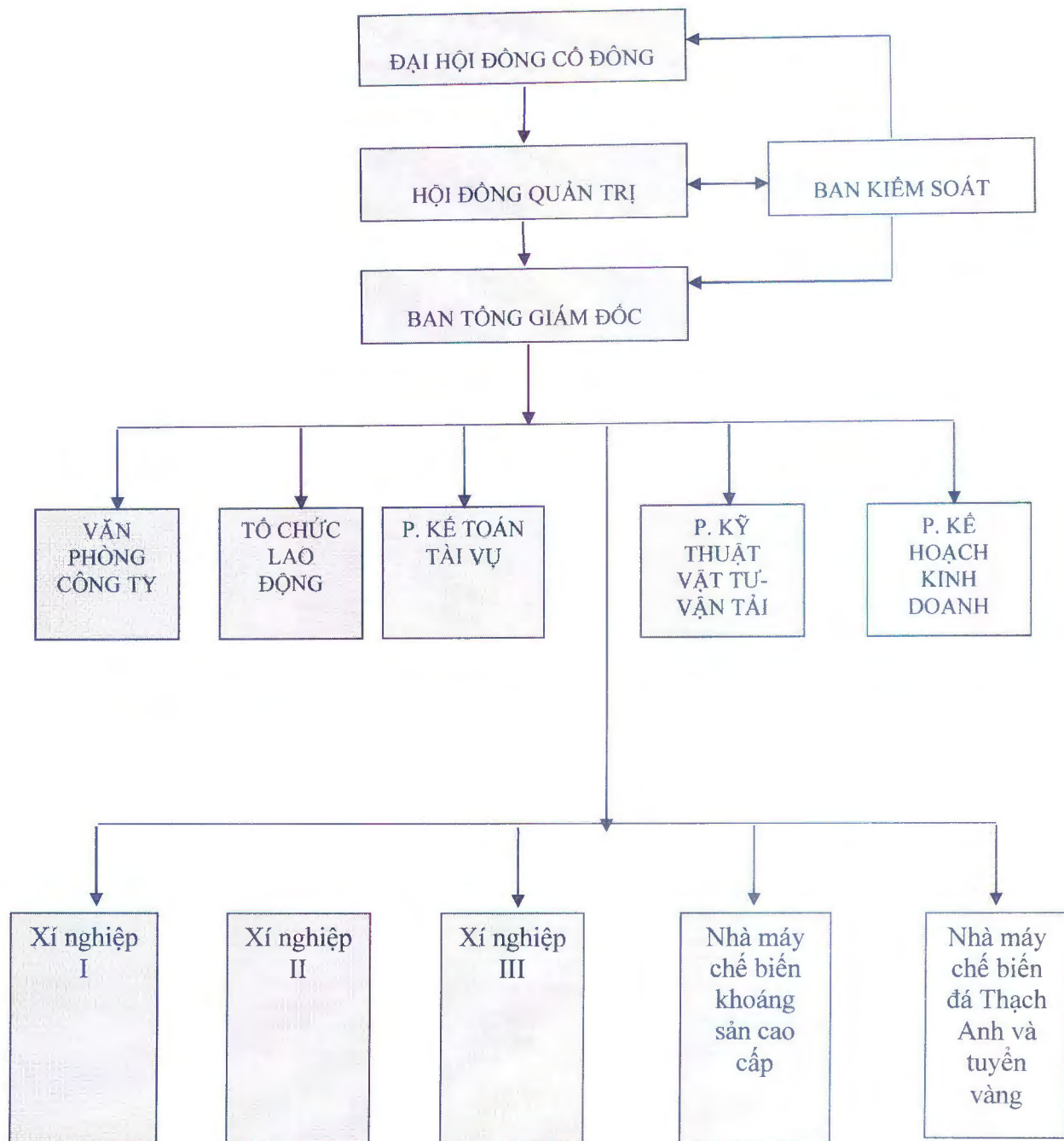
+ Sản phẩm sau khai thác và chế biến: Đolômit mịn, kích cỡ từ 70 - 75  $\mu$

5 **Thị trường tiêu thụ:**

Phục vụ cho ngành công nghiệp sản xuất gốm sứ, kính thủy tinh, luyện thép,...

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

a) *Mô hình quản trị*



**b) Cơ cấu bộ máy quản lý**

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Giám đốc;
- Ban kiểm soát.

**5. Định hướng phát triển chiến lược của Công ty**

**Tuân thủ pháp luật:**

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các Quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

### **Quản lý, công tác tổ chức:**

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.

- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

### **Tài chính:**

- Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán.

- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.

- Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để nghiên cứu các sản phẩm mới.

### **Phát triển nguồn nhân lực:**

- Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.

- Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.

### **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Theo mục tiêu chiến lược giai đoạn từ 2016 đến 2020 công ty sẽ trở thành một công ty chuyên cung cấp các sản phẩm khoáng sản chế biến tinh và sâu hàng đầu Việt Nam, đưa hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển đa ngành và tiến tới trở thành doanh nghiệp lớn.

### **6. Các rủi ro**

#### **a) Rủi ro về kinh tế**

Nhu cầu sử dụng nguyên liệu khoáng sản trong sản xuất của nhiều ngành công nghiệp như công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp nhiệt điện, công nghiệp chế tạo máy, công nghiệp luyện kim ... chịu ảnh hưởng từ những biến động tăng hoặc giảm của tốc độ phát triển kinh tế trên nhiều quy mô khác nhau. Các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở trong nước nên bất kỳ sự biến động nào của tình hình kinh tế trong nước cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **b) Lạm phát và giá cả.**

Giá cả nguyên vật liệu biến động thất thường, khó dự đoán dẫn đến chi phí đầu vào cao. Trong cơ cấu vốn để tài trợ cho các dự án cũng như phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh luôn có yếu tố vay nợ nên bất kỳ sự thay đổi nào của lãi suất trên thị trường cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c) Biến động giá chứng khoán

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết, giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng lớn từ biến động chung của thị trường chứng khoán, biến động trên các thị trường liên quan như vàng, ngoại tệ, chịu ảnh hưởng từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, những thay đổi trong chính sách điều hành của các cơ quan quản lý có liên quan như Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch, ... Do vậy, cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có khả năng biến động lớn, từ đó có thể ảnh hưởng đến các kế hoạch huy động vốn và làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

d) Rủi ro về Pháp luật

Các Công ty trong ngành chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế các chính sách về thuế, về tài nguyên và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Là Doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

e) Rủi ro về môi trường

Ngành công nghiệp khoáng sản phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường, vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường, xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí, phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai tác tận thu khoáng sản ... ngày càng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Ngoài ra những thiên tai như bão lụt, hạn hán cũng có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng khai thác khoáng sản.

f) Rủi ro khác

Là một nhân tố trong tổng thể chung của nền kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro bất khả kháng như rủi ro hỏa hoạn thiên tai, dịch họa ... Những rủi ro này có thể xảy ra và gây ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

Năm 2015 là năm có nhiều biến động đối với tình hình kinh tế thế giới cũng như kinh tế Việt Nam. Trước những khó khăn của nền kinh tế, HĐQT đã chỉ đạo toàn Công ty quyết tâm, phấn đấu tăng trưởng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cũng như thực hiện các nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao (ĐHĐCĐ).

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT cùng sự nỗ lực của tập thể Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV, trong năm 2015 Công ty đã phấn đấu thực hiện và đạt một số kết quả như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	Năm 2014	Tỷ lệ % giữa năm 2015/2014
Doanh thu	79.415.337.562	39.486.726.140	201,1%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	3.515.318.458	2.518.420.778	139,6%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.332.224.685	900.174.422	147,9%
Lợi nhuận trước thuế	2.151.375.876	824.997.360	260,8%
Lợi nhuận sau thuế	1.661.286.314	593.485.111	279,9%

#### ❖ **Đánh giá chung:**

Nhìn chung kết quả kinh doanh của Công ty năm 2015 đều tăng trưởng mạnh so với năm 2014, thể hiện sự chỉ đạo hiệu quả của HĐQT, cố gắng quyết tâm của Ban điều hành và CBCNV toàn công ty đã vượt khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### a. Về cơ cấu nhân sự của HĐQT, BKS năm 2015.

❖ **Hội đồng quản trị Công ty** gồm 05 thành viên do Bà Phạm Thị Hinh làm Chủ tịch, cụ thể:

STT	Họ tên	Chức vụ trong HĐQT	Ghi chú
1	Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	
2	Lâm Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	
3	Trần Anh Tú	Thành viên HĐQT	
4	Phùng Thị Kim Anh	Thành viên HĐQT	
5	Tạ Quang Mạnh	Thành viên HĐQT	



❖ **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát có 3 thành viên, là những người có trình độ chuyên môn về kế toán:

STT	Họ tên	Chức vụ trong Ban Kiểm soát	Ghi chú
1	Hoàng Đình Kế	Chủ tịch HĐQT	Từ nhiệm ngày 28/12/2015
2	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên BKS	
3	Vũ Thị Chung	Thành viên BKS	

**b. Thay đổi trong ban điều hành năm 2015**

STT	THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC	CHỨC VỤ	NỘI DUNG
1	Đỗ Phan Thắng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24/04/2015
2	Lê Hữu Lộc	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/04/2015

**c. Chính sách đối với lao động**

Tổng số lượng cán bộ công nhân viên đến 31/12/2015: 56 người

**Chính sách đối với người lao động:**

✚ **Chính sách đào tạo**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: đào tạo tại chỗ trong quá trình làm việc để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng và sản phẩm. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

✚ **Chính sách lương**

Lương bình quân người lao động 5.000.000 đồng/ tháng

✚ **Chính sách thưởng**

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty có chủ trương khen thưởng kịp thời

đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **➤ Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động**

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Do hoạt động trong lĩnh vực khai thác mỏ nên rủi ro tai nạn lao động hoàn toàn có thể xảy ra bất ngờ mà Công ty không thể lường trước gây ảnh hưởng và hậu quả nghiêm trọng đến người và tài sản nên Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### **a. Các khoản đầu tư lớn:**

Trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư một số dự án có tiềm năng sinh lời cao, tuy nhiên các dự án đang trong giai đoạn đầu triển khai nên chưa mang lại lợi nhuận cao.

#### **b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.**

### **4. Tình hình tài chính**

#### **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Tỷ lệ % so với năm 2014</b>
<b>1</b>	<b>Tổng Tài sản</b>	Đồng	319.478.661.915	353.249.139.661	110,57%
<b>2</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	Đồng	82.379.092.322	93.273.215.754	113,22%
<b>3</b>	<b>Nợ phải trả</b>	Đồng	25.708.550.746	57.817.742.178	224,89%
<b>4</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	Đồng	293.770.111.169	295.431.397.483	100,57%
<b>5</b>	<b>Doanh thu</b>	Đồng	39.486.726.140	79.415.337.562	201,12%
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Đồng	824.997.360	2.151.375.876	260,78%
<b>7</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Đồng	593.485.111	1.661.286.314	279,92%

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

### a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành là 29.075.499 cổ phiếu. Tại ngày 31/12/2015, toàn bộ số cổ phần của Công ty đều là cổ phần tự do chuyển nhượng, không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng.

### b) Cơ cấu cổ đông: Tại thời điểm 31/12/2015.

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
<b>I.</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>512</b>	<b>28.900.698</b>	<b>289.006.980.000</b>	<b>99.40%</b>
	Tổ chức	3	19.986.370	199.863.700.000	68.74%
	Cá nhân	509	8.914.328	89.143.280.000	30.66%
<b>II.</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>3</b>	<b>174.801</b>	<b>1.748.010.000</b>	<b>0.60%</b>
	Tổ chức	1	9.801	98.010.000	0.03%
	Cá nhân	2	165.000	1.650.000.000	0.57%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>515</b>	<b>29.075.499</b>		

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình đã tiến hành tăng vốn cổ phần: 2.805.499 CP (trong đó: Công ty phát hành 26.270.999 cổ phiếu để trả cổ phiếu thưởng do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 10%; phát hành 178.500 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động).
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình không tiến hành mua, bán cổ phiếu quỹ.
- e) Các chứng khoán khác: Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình không tiến hành phát hành các loại chứng khoán khác.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

### a. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

### b. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

**c. Tiêu thụ nước:**

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

**d. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường:

Không

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

**e. Chính sách liên quan đến người lao động**

- Số lượng lao động: 56 người
- Lương bình quân người lao động 5.000.000 đồng/ tháng
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Do hoạt động trong lĩnh vực khai thác mỏ nên rủi ro tai nạn lao động hoàn toàn có thể xảy ra bất ngờ mà Công ty không thể lường trước gây ảnh hưởng và hậu quả nghiêm trọng đến người và tài sản nên Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

- Hoạt động đào tạo người lao động: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

+ Đối với lao động trực tiếp: đào tạo tại chỗ trong quá trình làm việc để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng và sản phẩm. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

+ Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

**f. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có

*g. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.*

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

#### 1. Báo cáo của ban Giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ % so với năm 2014
1	<b>Doanh thu</b>	Đồng	39.486.726.140	79.415.337.562	201,12%
2	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Đồng	824.997.360	2.151.375.876	260,78%
3	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Đồng	593.485.111	1.661.286.314	279,92%

*Những nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh:*

- Trong năm, Công ty đã tập trung đẩy mạnh hoạt động sản xuất, tăng hoạt động thương mại nên doanh thu và lợi nhuận đều tăng trưởng mạnh so với năm trước.

#### 2. Báo cáo của ban Giám đốc về tình hình tài chính.

##### a. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	31/12/2015 (đồng)	31/12/2014 (đồng)
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>93.273.215.754</b>	<b>82.379.092.322</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	197.733.484	84.979.256
Phải thu ngắn hạn	76.208.836.632	54.527.290.374
Hàng tồn kho	16.763.750.917	26.266.857.208
Tài sản ngắn hạn khác	102.894.721	1.499.965.484
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>259.975.923.907</b>	<b>237.099.569.593</b>
Tài sản cố định	8.115.802.118	9.839.339.414
Tài sản dở dang dài hạn	360.121.789	360.121.789
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	101.500.000.000	76.887.250.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>		12.858.390
<b>Tổng tài sản</b>	<b>353.249.139.661</b>	<b>319.478.661.915</b>

- Tổng tài sản cuối năm 2015 của công ty tăng 111% so với cuối năm 2014 là do các khoản phải thu ngắn hạn và đầu tư tài chính dài hạn tăng.

**b. Tình hình công nợ của Công ty**

**❖ Các khoản nợ phải thu**

STT	Các khoản phải thu	Năm 2015 (đồng)	Năm 2014 (đồng)
<b>I</b>	<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>76.208.836.632</b>	<b>54.527.290.374</b>
1	Phải thu của khách hàng	35.399.504.378	24.959.453.154
2	Trả trước cho người bán	262.413.254	285.865.222
3	Các khoản phải thu khác	1.246.919.000	29.281.971.998
4	Phải thu về cho vay ngắn hạn	39.300.000.000	
<b>II</b>	<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>
<b>Tổng các khoản phải thu</b>		<b>226.208.836.632</b>	<b>175.708.550.746</b>

**❖ Tình hình nợ phải trả.**

STT	Nợ phải trả	Năm 2015 (đồng)	Năm 2014 (đồng)
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>57.817.742.178</b>	<b>25.708.550.746</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	1.974.380.000	2.624.380.000
2	Phải trả người bán	48.654.616.388	16.114.372.520
3	Người mua trả tiền trước		
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.309.568.861	6.269.479.297
5	Phải trả người lao động		48.580.000
6	Chi phí phải trả	470.876.000	243.438.000
7	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	305.022.223	305.022.223
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	103.278.706	103.278.706
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>57.817.742.178</b>	<b>25.708.550.746</b>

## 1. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

❖ Về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý điều hành:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác giao khoán cho các Phòng ban, các đội sản xuất để nâng cao tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công nhân tại các đơn vị sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

- Nâng mức thu nhập và tiếp tục cải thiện đời sống cho CBCNV Công ty tạo cho người lao động tâm lý yên tâm, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

- Tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý chặt chẽ chi phí thi công, nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện máy móc thiết bị để giảm chi phí sản xuất.

❖ Các biện pháp kiểm soát:

- Từng thành viên trong Ban Giám đốc được phân công chỉ đạo trực tiếp các công trình thi công nhằm xử lý kịp thời những phát sinh trong quá trình hoạt động.

- Phòng Kỹ thuật kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các dự án theo từng tháng, quý kịp thời tháo gỡ những khó khăn để đảm bảo tiến độ thi công, phối hợp với phòng Tài chính – kế toán để lập dự toán thi công, dự toán giao khoán, giám sát quy trình thi công, sử dụng nguyên vật liệu đầu vào, hướng dẫn lập hồ sơ kỹ thuật, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình.

- Phòng Tài chính kế toán phối hợp với Phòng kỹ thuật lập dự toán giao khoán, kiểm soát quá trình ứng và thanh quyết toán các dự toán giao khoán, hướng dẫn tập hợp chi phí, hóa đơn chứng từ theo luật định.

## 4. Kế hoạch, phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2016

### a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.

Sau khi xem xét mọi mặt hoạt động SXKD của Công ty năm 2015, căn cứ vào tình hình thực tế, HĐQT thống nhất đề xuất chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2016 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2015	KH năm 2016
1	Doanh thu	Đồng	79.415.337.562	300.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	2.151.375.876	9.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.661.286.314	7.020.000.000

Hội đồng quản trị xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm mang tính chất quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty trong thời kỳ nền kinh tế mở cửa và có nhiều biến động. Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả Quản trị doanh nghiệp, đáp ứng kỳ vọng của các cổ đông đồng thời thu hút và

tạo động lực cho người lao động phát huy tài năng nhiệt huyết đóng góp cho sự phát triển công ty một cách bền vững là ưu tiên lớn nhất của công ty.

#### **b. Biện pháp tổ chức thực hiện.**

Để phát huy các nguồn lực hiện có và khắc phục những tồn tại, bất cập trong thời gian qua, HĐQT Công ty đề ra các biện pháp tổ chức thực hiện như sau:

- Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung chính vào thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT đối với Ban điều hành, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty.

- HĐQT và Ban điều hành tập trung mọi nguồn lực để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và những năm tiếp theo.

- Ban điều hành kiên quyết khắc phục những hạn chế của mình đã nêu trong phần đánh giá của HĐQT về hoạt động điều hành năm 2015, cụ thể:

*Công tác sản xuất:* Tập trung quản lý sản xuất, quản lý chi phí, quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật, quản lý chất lượng, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong sản xuất. Trong đó công tác quản lý kỹ thuật, quản lý sản xuất đảm bảo tuân thủ kỷ cương công nghệ nhằm ổn định chất lượng là nhiệm vụ trọng tâm đồng thời tổ chức khai thác sử dụng hiệu quả máy móc thiết bị đã đầu tư. Công ty cần tập trung đầu tư cho khâu này từ con người cho đến công nghệ, máy móc thiết bị... Tìm mọi biện pháp để không ngừng nâng cao năng suất lao động, đầu tư nâng cao năng lực công tác cán bộ, tay nghề cho công nhân.

*Công tác Lao động Tiền lương:* Tiếp tục rà soát sắp xếp, đào tạo cũng như tuyển dụng, bổ sung thay thế lao động cho các phòng, ban, phân xưởng nhằm đáp ứng yêu cầu công việc. Thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, có chính sách giữ được người có trình độ cao, tay nghề giỏi làm việc tại Công ty. Tăng cường công tác tuyên truyền để người lao động ổn định tư tưởng, thấy rõ được trách nhiệm của mỗi người trong việc góp phần ổn định, đưa Công ty từng bước vượt qua giai đoạn khó khăn làm cơ sở cho việc giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

*Công tác Thị trường:* Đẩy mạnh công tác bán hàng, điều chỉnh chính sách tiêu thụ hợp lý đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại trong nước và xuất khẩu.

*Công tác Tài chính:* Minh bạch rõ ràng đúng quy định của pháp luật; chủ động, linh hoạt trong việc giải quyết vấn đề vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư.

#### **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

Trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, đơn vị kiểm toán có đưa ra ý kiến kiểm toán cần nhấn mạnh sau:

*“Nhu đã trình bày tại Thuyết minh số VI.6, chúng tôi đã không thể thu thập được thông tin tài chính về doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ*



*phần Khoáng sản Hòa Bình với Công ty Cổ phần Vĩnh Thịnh. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không”*

Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình và Công ty Cổ phần Khoáng sản Vĩnh Thịnh đã ký biên bản thỏa thuận về việc hai bên sẽ thực hiện tất toán doanh thu, chi phí, lợi nhuận của việc hợp tác này vào ngày tất toán hợp đồng.

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.**

- a. Đánh giá liên quan đến các tiêu chí môi trường
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

- Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm qua đã tích cực hoạt động, Hội đồng quản trị đã thảo luận, thông qua các nghị quyết và ban hành các quyết định về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, kịp thời đưa ra những biện pháp ứng phó với tình hình biến động của tổ chức, thị trường và định hướng hoạt động phù hợp.

- Kết quả kinh doanh của công ty tuy không cao nhưng cũng đáng khích lệ. Thể hiện sự chỉ đạo hiệu quả của HĐQT, cố gắng quyết tâm của Ban điều hành và CBCNV toàn công ty đã vượt khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

#### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình đánh giá trong năm 2015, Ban giám đốc đã thực hiện đúng chức trách và quyền hạn của mình trong việc điều hành Công ty theo điều lệ quy định, ban Giám đốc đã cùng với cán bộ quản lý khác có nhiều nỗ lực thực hiện tốt kế hoạch SXKD của Công ty.

#### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2016 phụ thuộc vào ba yếu tố chính: tình hình kinh tế thế giới, sức mạnh nội tại và ổn định kinh tế vĩ mô trong nước và sự điều hành của Chính phủ. Tuy nhiên bên cạnh những thời cơ, thuận lợi thì cũng đặt ra nhiều thách thức cho cả ba yếu tố trên.

Trên cơ sở phân tích môi trường hoạt động kinh doanh, cùng với quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên cũng như ban lãnh đạo của Công ty, và để đạt chỉ tiêu kinh doanh năm 2016 của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông giao, KHB sẽ tập trung thực hiện nghiêm túc các giải pháp sau đây:

##### **a. Các giải pháp thực hiện :**

- Tăng cường việc khai thác ở các mỏ để đảm bảo ổn định đơn hàng, ổn định nguồn vật tư, khai thác triệt để năng lực sản xuất để có sản lượng cao nhất.
- Tiếp tục tiến hành thanh lý các thiết bị lạc hậu, đầu tư bổ sung thêm thiết bị.

- Tăng cường sản lượng, tích cực bố trí lại đội ngũ công nhân sản xuất qua đó đẩy mạnh việc tăng năng suất lao động toàn công ty.

- Trong tình hình lạm phát, giá cả tăng cao, các bộ phận phòng ban, xí nghiệp cần đánh giá lại cung cách quản lý điều hành trong đơn vị, hợp lý hóa quy trình sản xuất, phân tích kỹ các khoản chi phí trong cơ cấu giá thành, để có biện pháp tiết giảm hợp lý, hạ giá thành sản phẩm.

#### ✚ Công tác điều hành sản xuất:

- Công ty tiếp tục thực hiện một cách triệt để mô hình khoán quản, đưa ra cơ chế rõ ràng xuyên suốt từ Công ty xuống tận tổ, đội sản xuất, người lao động, đồng thời phân định rõ quyền lợi và trách nhiệm của cá nhân, tập thể nhằm tạo sự chủ động, sáng tạo cho các đơn vị, cá nhân trong quá trình tổ chức thi công.

- Nâng cao vai trò Quản lý dự án, ưu tiên đầu tư con người, đào tạo, công nghệ quản lý để đưa công tác quản lý dự án thành chuyên nghiệp, hiệu quả .

- Hiệu chỉnh định mức thi công nội bộ phù hợp với năng lực thi công, công nghệ thiết bị của Công ty, tạo sự cạnh tranh giữa các đơn vị sản xuất trong công ty.

#### ✚ Công tác quản trị nhân lực:

Chỉ đạo thực hiện tốt chính sách thu hút nhân lực, giữ chân người tài bằng các giải pháp:

- Tăng tỷ lệ chi phí đầu tư về trang thiết bị, môi trường và điều kiện làm việc cho CBCNV, đầu tư nghiên cứu cải tiến hệ thống quản lý cho phù hợp với thực tiễn đảm bảo nguyên tắc: cụ thể, rõ ràng, dễ áp dụng, định rõ trách nhiệm, quyền hạn và chế tài xử lý.

- Tăng mức đầu tư về tài chính, thời gian cho công tác tuyển dụng, đào tạo. Có chính sách thiết thực để thu hút các cán bộ quản lý, chuyên môn có trình độ, năng lực, giàu kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty.

- Đảm bảo mức thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên đạt khá so với các đơn vị cùng ngành, theo nguyên tắc: hiệu quả công việc, hiệu quả doanh nghiệp và mặt bằng xã hội.

- Tăng cao hơn quỹ khen thưởng cho người lao động so với các năm trước, thực hiện chính sách thưởng công bằng, linh hoạt, coi thưởng là sự chia sẻ thành công của doanh nghiệp đối với người lao động.

#### ✚ Công tác thị trường:

- Lập kế hoạch triển khai thi công đảm bảo mỗi công trình thực sự là một hình ảnh PR, quảng cáo của doanh nghiệp với đối tác, khách hàng.

- Thực hiện nghiêm túc về việc xây dựng hình ảnh doanh nghiệp từ văn phòng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện đến các đơn vị sản xuất đảm bảo tính nhất quán, phù hợp với bộ nhận diện thương hiệu của công ty .

- Duy trì tốt mối quan hệ với các thị trường đã có, ưu tiên đầu tư mở rộng các thị trường lớn, thị trường trọng điểm.

#### ✚ Giải pháp về công nghệ:

- Đầu tư tìm kiếm các công nghệ mới, hiện đại, tiếp cận các công nghệ mới của các doanh nghiệp nước ngoài để học hỏi, chuyển giao nhằm tăng hiệu quả kinh doanh, nâng cao vị thế cạnh tranh.

- Ưu tiên vốn đầu tư mua sắm thiết bị sản xuất chế biến sâu với tiêu chí: đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo khả năng thu hồi vốn tốt.

#### ✚ Giải pháp về tài chính :

- Xác định nguồn vốn chủ đạo cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản, do đó tập trung chỉ đạo tốt công tác khai thác và chú trọng vào sản phẩm đã qua chế biến.

- Lợi nhuận hàng năm một phần chi trả cổ tức cho các cổ đông ở mức 5 – 7% phần còn lại dùng để phục vụ sản xuất kinh doanh và tái đầu tư cho các dự án đầu tư dài hạn.

### V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

#### 1. Hội đồng quản trị.

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 05 thành viên.

b. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị theo cơ chế tập trung dân chủ tuân thủ pháp luật, điều lệ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện chức trách nhiệm vụ theo quy chế hoạt động hiện hành.

- Năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty ban hành 10 Nghị quyết và 02 Quyết định, kết quả giám sát cho thấy Ban Giám đốc đã thực hiện đúng quyền và nhiệm vụ của mình như quy định tại điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.

+) Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/2015/NQ-HĐQT/KHB	23/01/2015	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 và đưa ra phương hướng hoạt động năm 2015
2	02/2015/NQ-HĐQT/KHB	06/02/2015	Chốt danh sách cổ đông và thông qua phương án tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
3	03/2015/NQ-HĐQT/KHB	08/04/2015	Báo cáo tình hình hoạt động Quý I/2015 và đưa ra kế hoạch kinh doanh Quý II/2015.

4	10/QĐ-KHB	24/04/2015	Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty đối với ông Đỗ Phan Thắng
5	11/QĐ-KHB	24/04/2015	Bổ nhiệm ông Lê Hữu Lộc giữ chức vụ Giám đốc Công ty
6	12/2015/NQ-HĐQT/KHB	22/06/2015	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP, thông qua Quy chế ESOP, Ban điều hành ESOP, hồ sơ phát hành)
7	15/2015/NQ-HĐQT/KHB	22/06/2015	Thông qua phương án phát xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết, cổ phiếu lẻ phát sinh, hồ sơ phát hành)
8	2506/2015/NQ-HĐQT/KHB	25/06/2015	Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2015
9	16/2015/NQ-HĐQT	07/07/2015	Thoái vốn đầu tư tại Công ty liên kết
10	17/2015/2NQ-HĐQT/KHB	16/07/2015	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý II/2015, đề ra kế hoạch kinh doanh Quý III/2015.
10	18/2015/ NQ-HĐQT/KHB	01/09/2015	Chốt danh sách nhận cổ phiếu thưởng do tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
11	19/2015/ NQ-HĐQT/KHB	05/10/2015	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường 2015
12	1410/2015/ NQ-HĐQT/KHB	14/10/2015	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý III/2015, đề ra kế hoạch kinh doanh Quý IV/2015

- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Hiện nay các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị chưa có.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

e. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

## **2. Ban kiểm soát**

### **a. Thành viên Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có 3 thành viên, trong đó Trưởng Ban kiểm soát là thành viên bên ngoài công ty.

### **b. Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm Ban kiểm soát tập trung kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty về việc chấp hành pháp luật, điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị về chế độ thu chi tài chính, chính sách người lao động, các định mức chi phí trong sản xuất kinh doanh và các hoạt động liên quan khác...Ngoài ra các thành viên ban Kiểm soát thường xuyên dự họp định kỳ và đột xuất thông tin góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty những công việc liên quan đến lãnh đạo, quản lý điều hành công ty trên các lĩnh vực.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

#### **a. Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

Hội đồng quản trị thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

#### **b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có giao dịch

**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Năm 2015, cổ đông nội bộ Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình không có giao dịch nào với Công ty.

#### **d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Là công ty đại chúng, Hội đồng quản trị nhận thức sâu sắc trọng trách của mình, năm 2015 tiếp tục cải tiến phương thức lãnh đạo quản lý nhằm mục tiêu đưa mọi hoạt động công ty ngày một minh bạch và hiệu quả hơn. Hội đồng quản trị tập trung vào một số nội dung trọng tâm sau:

- Điều chỉnh quy chế hoạt động công ty theo nhưng thông lệ tốt nhất, phù hợp quy định pháp luật và điều lệ công ty, phân công trách nhiệm quyền hạn rõ ràng từ cấp cao đến cấp thấp, đưa hệ thống quản lý điều hành công ty ngày một chặt chẽ, hiệu quả, minh bạch, nâng cao trách nhiệm và sự năng động sáng tạo cho người lao động

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

Xin tham khảo tài liệu đính kèm.

**Trân trọng!**

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Phạm Thị Hình*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**của CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**  
**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**Kèm theo**  
**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	03-05
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	06-07
<b>3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	08-41
· Bảng cân đối kế toán	08-11
· Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
· Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
· Thuyết minh Báo cáo tài chính	14-41

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2503000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 23/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/10/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/10/2015 là 290.755.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm chín mươi tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn*) tương đương 29.075.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh quặng sắt, vật liệu xây dựng.

### 2. Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Phạm Thị Hinh	: Chủ tịch
- Ông Tạ Quang Mạnh	: Ủy viên
- Ông Lâm Hoàng Giang	: Ủy viên
- Ông Trần Anh Tú	: Ủy viên
- Ông Phùng Thị Kim Anh	: Ủy viên

Các thành viên của Ban kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Hoàng Đình Kế	Trưởng Ban kiểm soát (Từ nhiệm ngày 28/12/2015)
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên
- Bà Vũ Thị Chung	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Hữu Lộc	: Giám đốc (Kể từ ngày 24/04/2015) (i)

(i) Theo Quyết định số 11/QĐ/KHB ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình.

### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### 5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

---

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### 6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

#### 7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

#### 8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hòa Bình, ngày 20 tháng 02 năm 2016

**Thay mặt Ban Giám đốc**



---

**Lê Hữu Lộc**

**Giám đốc**

Số: 64/2016/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 5 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015  
của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình được lập ngày 20 tháng 02 năm 2016, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 41 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số VI.6, chúng tôi đã không thể thu thập được thông tin tài chính về doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình với Công ty Cổ phần Vĩnh Thịnh. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Dương Thị Thảo**

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0162-2015-242-1

**Trần Thị Nguyệt**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0589-2015-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01-DN

Đơn vị : VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>93.273.215.754</b>	<b>82.379.092.322</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>197.733.484</b>	<b>84.979.256</b>
1. Tiền	111		197.733.484	84.979.256
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>VI.4</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>76.208.836.632</b>	<b>54.527.290.374</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.2	35.399.504.378	24.959.453.154
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.3	262.413.254	285.865.222
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.5	39.300.000.000	-
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.6	1.246.919.000	29.281.971.998
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>VI.7</b>	<b>16.763.750.917</b>	<b>26.266.857.208</b>
1. Hàng tồn kho	141		16.763.750.917	26.266.857.208
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>102.894.721</b>	<b>1.499.965.484</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		102.894.721	1.499.965.484
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>259.975.923.907</b>	<b>237.099.569.593</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.6	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		150.000.000.000	150.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Mẫu số B01-DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị : VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.115.802.118</b>	<b>9.839.339.414</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	8.115.802.118	9.839.339.414
- Nguyên giá	222		18.143.985.128	18.143.985.128
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.028.183.010)	(8.304.645.714)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>360.121.789</b>	<b>360.121.789</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		360.121.789	360.121.789
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>VI.4</b>	<b>101.500.000.000</b>	<b>76.887.250.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		15.000.000.000	15.887.250.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		86.500.000.000	61.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>12.858.390</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.8	-	12.858.390
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>353.249.139.661</b>	<b>319.478.661.915</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****Mẫu số B01-DN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị : VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>57.817.742.178</b>	<b>25.708.550.746</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>57.817.742.178</b>	<b>25.708.550.746</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.11	48.654.616.388	16.114.372.520
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.12	6.309.568.861	6.269.479.297
4. Phải trả người lao động	314		-	48.580.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.13	470.876.000	243.438.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.14	305.022.223	305.022.223
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.10	1.974.380.000	2.624.380.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		103.278.706	103.278.706
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.10	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**  
Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>295.431.397.483</b>	<b>293.770.111.169</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>VI.15</b>	295.431.397.483	293.770.111.169
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		290.755.000.000	262.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		290.755.000.000	262.700.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.106.364	28.059.106.364
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.591.850.090	1.591.850.090
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		3.080.441.029	1.419.154.715
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.419.154.715	825.669.604
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.661.286.314	593.485.111
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>353.249.139.661</b>	<b>319.478.661.915</b>

Hòa Bình, ngày 20 tháng 02 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết

Nguyễn Thị Tuyết



Lê Hữu Lộc



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

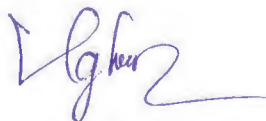
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B02-DN

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	79.415.337.562	39.486.726.140
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		79.415.337.562	39.486.726.140
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	75.900.019.104	36.968.305.362
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.515.318.458	2.518.420.778
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	430.996.393	6.565.954
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	197.438.000	205.659.388
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		197.438.000	205.659.388
8. Chi phí bán hàng	25	VII.7	188.924.718	119.380.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7	1.332.224.685	900.174.422
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.227.727.448	1.299.772.922
11. Thu nhập khác	31		-	4.607.038
12. Chi phí khác	32	VII.6	76.351.572	479.382.600
13. Lợi nhuận khác	40		(76.351.572)	(474.775.562)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.151.375.876	824.997.360
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.8	490.089.562	231.512.249
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.661.286.314	593.485.111
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		63	53
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Người lập



Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết

Hòa Bình, ngày 20 tháng 02 năm 2016

Giám đốc



Lê Hữu Lộc

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B03-DN

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		76.916.820.082	27.808.247.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa	02		(39.357.674.011)	(47.115.190.910)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(793.660.000)	(533.160.293)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(8.221.388)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(450.000.000)	(100.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		28.982.671.998	23.307.548.319
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(631.650.234)	(544.532.538)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>64.666.507.835</b>	<b>2.814.690.190</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(39.300.000.000)	(3.460.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			3.670.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(26.387.250.000)	(206.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.774.500.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27		8.996.393	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(63.903.753.607)</b>	<b>(205.790.000.000)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			200.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		7.969.000.000	180.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.619.000.000)	(84.787.642)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(650.000.000)</b>	<b>200.095.212.358</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>112.754.228</b>	<b>(2.880.097.452)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>84.979.256</b>	<b>2.965.076.708</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy</b>	<b>61</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VI.01</b>	<b>197.733.484</b>	<b>84.979.256</b>

Người lập


Kế toán trưởng

Hòa Bình, ngày 20 tháng 02 năm 2016

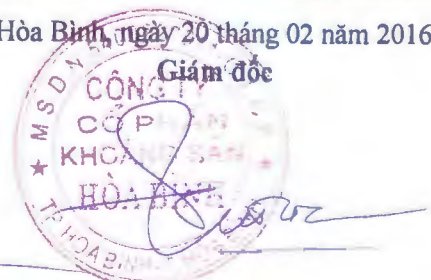
Giám đốc



Nguyễn Thị Tuyết



Nguyễn Thị Tuyết



Lê Hữu Lộc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2503000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 23/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/10/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/10/2015 là 290.755.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm chín mươi tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn*) tương đương 29.075.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

**2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Hoạt động dịch vụ khai thác mỏ và quặng khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; sản xuất gạch, vôi, đá xẻ, cắt tạo dáng, hoàn thiện đá xẻ; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất xi măng; vôi và thạch cao; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại; lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; khai thác quặng sắt, đá, cát sỏi, đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đường thủy nội địa;
- Phá dỡ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm: quặng kim loại màu (Trừ quặng uranium và quặng thorium); Khai thác và thu gom than cứng; Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: giao thông, thủy lợi.
- Bán buôn, bán lẻ: than đá, nhiên liệu rắn khác; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Làm đại lý, môi giới, đấu giá.

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

**4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.**

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

*a) Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

*b) Lập dự phòng phải thu khó đòi*

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

*a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

**c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

**a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-55 năm
- Máy móc, thiết bị	03-08 năm
- Phương tiện vận tải	05-06 năm

**b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính**

**c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư**

**7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

**8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

**9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí thuê văn phòng có giá trị lớn.

#### **10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

#### **13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

#### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

#### **15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***a) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***b) Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### ***c) Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

##### ***d) Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

***e) Thu nhập khác***

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

**17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

**18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

**19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**22. Công cụ tài chính**

***a) Tài sản tài chính***

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

**b) Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

**23. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh bán hàng hóa: Cung cấp gạch, thép, quặng sắt, máy móc...

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Nội, Vĩnh Phúc, Yên Bái.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị : VND

**1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	118.273.802	72.348.641
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	79.459.682	12.630.615
- Tiền gửi ngân hàng VND	4.570.932	9.915.515
NH NN&PTNT Việt Nam	1.293.863	1.516.563
NH Bưu điện Liên Việt	1.440.468	1.428.273
NH TMCP Á Châu	1.836.601	3.139.573
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hòa Bình	1.048.376	1.896.130
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Tây Hồ	73.840.374	1.934.976
- Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ	-	2.715.100
Tiền USD NH TMCP Á Châu	-	2.715.100
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
<b>Cộng</b>	<b>197.733.484</b>	<b>84.979.256</b>

**2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	35.399.504.378	-	24.959.453.154	-
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	23.805.252.584	-	23.805.252.584	-
- Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	23.805.252.584	-	23.805.252.584	-
Các khách hàng khác	11.594.251.794	-	1.154.200.570	-
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên				
<b>Cộng</b>	<b>35.399.504.378</b>	<b>-</b>	<b>24.959.453.154</b>	<b>-</b>
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	23.805.252.584		23.805.252.584	-
- Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	23.805.252.584	-	23.805.252.584	-
<b>Cộng</b>	<b>23.805.252.584</b>	<b>-</b>	<b>23.805.252.584</b>	<b>-</b>

**3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư Mỏ và Xây dựng T.S.T	120.000.000	120.000.000
- Công ty Cổ phần Kiến Trúc Việt	100.000.000	100.000.000
- Các khách hàng khác	42.413.254	65.865.222
<b>Cộng</b>	<b>262.413.254</b>	<b>285.865.222</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đơn vị: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
c )Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	101.500.000.000	(*)	-	76.887.250.000	(*)	-
* Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	101.500.000.000	(*)	-	76.887.250.000	(*)	-
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	15.000.000.000	(*)	-	15.887.250.000	(*)	-
+ Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt - tỷ lệ sở hữu 25%	15.000.000.000	(*)	-	15.000.000.000	(*)	-
+ Công ty CP Khai thác Khoáng sản Sầm Sơn - tỷ lệ sở hữu 25%	-	(*)	-	887.250.000	(*)	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	86.500.000.000	(*)	-	61.000.000.000	(*)	-
+ Công ty CP Đá Spillit - tỷ lệ sở hữu 16,7%	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
+ Công ty CP VFI Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 17,9%	22.000.000.000	(*)	-	22.000.000.000	(*)	-
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển VDI Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 14,67%	34.000.000.000	(*)	-	34.000.000.000	(*)	-
+ Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái - tỷ lệ sở hữu 9,96%	25.500.000.000	(*)	-	-	(*)	-
<b>Cộng</b>	<b>101.500.000.000</b>	<b>(*)</b>	<b>-</b>	<b>76.887.250.000</b>	<b>(*)</b>	<b>-</b>

(\*) Xem thuyết minh số 4.5 trang 39.

**5 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu về cho vay				
+ Ông Lê Hữu Lộc (*)	39.300.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>39.300.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Cho Ông Lê Hữu Lộc vay theo các hợp đồng cho vay như sau:

- + Hợp đồng số 04/2015/HĐKT số tiền cho vay 2 tỷ đồng, ngày 18 tháng 05 năm 2015, lãi suất cho vay 1%/tháng, thời hạn vay 3 tháng và được gia hạn hợp đồng 12 tháng.
- + Hợp đồng số 05/2015/HĐKT ngày 28 tháng 07 năm 2015 số tiền cho vay là 2,5 tỷ đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay là 8%/năm.
- + Hợp đồng số 06/2015/HĐKT ngày 30 tháng 09 năm 2015 số tiền cho vay là 11 tỷ đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất vay 8%/năm, thế chấp bằng 5.600.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Phương Trung mà ông Lộc sở hữu.
- + Hợp đồng số 07/2015/HĐKT ngày 31 tháng 12 năm 2015 số tiền cho vay là 23,8 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 8%/năm, tài sản thế chấp là 6.840.000 cổ phần của Công ty Cổ phần VFI Việt Nam mà ông Lộc sở hữu.

**6 . PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.246.919.000</b>		<b>29.281.971.998</b>	-
- Các khoản phải thu khác	1.246.919.000	-	29.281.971.998	-
+ Phải thu về lãi cho vay	422.000.000	-	-	-
+ Phải thu khác	-	-	260.000.000	-
+ Ông Tạm ứng	824.919.000	-	29.021.971.998	-
- Ông Lê Hữu Lộc	824.919.000	-	455.500.000	-
- Bà Đỗ Thị Cẩm Thúy	-	-	26.175.361.111	-
- Ông Đỗ Phan Thắng	-	-	2.231.000.000	-
- Các đối tượng khác	-	-	160.110.887	-
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>	<b>150.000.000.000</b>		<b>150.000.000.000</b>	
+ Công ty Cổ phần Khoáng sản Vĩnh Thịnh (i)	150.000.000.000	-	150.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>151.246.919.000</b>		<b>179.281.971.998</b>	

*Phải thu dài hạn khác*

(i) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2014/HĐHTKD ngày 08/10/2014 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình và Công ty Cổ phần Khoáng sản Vĩnh Thịnh, tổng số vốn hợp tác vào dự án của Công ty Cổ phần Khoáng sản Vĩnh Thịnh là 150 tỷ đồng. Năm 2016, công ty đang rút lại vốn đầu tư vào dự án của Công ty Cổ phần Khoáng sản Vĩnh Thịnh. Đến ngày 28/03/2015 công ty đã thu hồi đủ số tiền 150 tỷ đồng.

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên vật liệu	137.436.777	-	307.375.271	-
Công cụ, dụng cụ	6.158.181	-	6.158.181	-
Chi phí SXKD dở dang	2.858.557.824	-	2.065.233.943	-
Thành phẩm nhập kho	513.310.768	-	755.290.455	-
Hàng hóa	13.248.287.367	-	23.132.799.358	-
<b>Cộng</b>	<b>16.763.750.917</b>	<b>-</b>	<b>26.266.857.208</b>	<b>-</b>

**8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	-	12.858.390
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	12.858.390
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>12.858.390</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị : VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	14.085.403.105	3.488.251.560	570.330.463	-	18.143.985.128
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua trong năm		-	-		-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					-
- Tăng khác	-	-	-		-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-				-
Số dư cuối năm	14.085.403.105	3.488.251.560	570.330.463	-	18.143.985.128
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	4.882.550.725	2.851.764.526	570.330.463	-	8.304.645.714
Tăng trong năm	1.255.818.227	467.719.069	-	-	1.723.537.296
- Số khấu hao trong năm	1.255.818.227	467.719.069	-		1.723.537.296
- Tăng khác					-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-				-
Số dư cuối năm	6.138.368.952	3.319.483.595	570.330.463	-	10.028.183.010
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	9.202.852.380	636.487.034	-	-	9.839.339.414
2. Tại ngày cuối năm	7.947.034.153	168.767.965	-	-	8.115.802.118

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**10 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị : VND

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>1.974.380.000</b>	<b>1.974.380.000</b>	-	<b>650.000.000</b>	<b>2.624.380.000</b>	<b>2.624.380.000</b>
Vay ngắn hạn VND	1.974.380.000	1.974.380.000	-	650.000.000	2.624.380.000	2.624.380.000
Vay NH TMCP Quân đội (*)	1.974.380.000	1.974.380.000	-	-	1.974.380.000	1.974.380.000
Vay các đối tượng khác	-	-	-	650.000.000	650.000.000	650.000.000
Bà Phạm Thị Hinh			7.969.000.000	7.969.000.000		
<b>b) Vay dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.974.380.000</b>	<b>1.974.380.000</b>	<b>7.969.000.000</b>	<b>8.619.000.000</b>	<b>2.624.380.000</b>	<b>2.624.380.000</b>

(\*) Hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Quân đội số 56.12.003.1133890.TD, hạn mức tín dụng là 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất thả nổi, đã quá hạn nhưng công ty chưa thanh toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	48.654.616.388	48.654.616.388	16.114.372.520	16.114.372.520
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai	13.535.098.500	13.535.098.500	-	-
Công ty Cổ phần Mỏ và XNK Khoáng sản Miền Trung	6.307.831.266	6.307.831.266	6.307.831.266	6.307.831.266
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng D.E.M	16.706.132.168	16.706.132.168	-	-
Các khoản phải trả người bán khác	12.105.554.454	12.105.554.454	9.806.541.254	9.806.541.254
<b>Cộng</b>	<b>48.654.616.388</b>	<b>48.654.616.388</b>	<b>16.114.372.520</b>	<b>16.114.372.520</b>
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Phải trả người bán là bên liên quan Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai	14.596.609.500	14.596.609.500	8.277.206.344	8.277.206.344
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	1.061.511.000	1.061.511.000	8.277.206.344	8.277.206.344
<b>Cộng</b>	<b>14.596.609.500</b>	<b>14.596.609.500</b>	<b>8.277.206.344</b>	<b>8.277.206.344</b>

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

a) Phải nộp (chi tiết cho từng loại thuế)	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
- Thuế GTGT	1.219.728.282	7.941.533.744	7.941.533.742	1.219.728.284
- Thuế TNDN	3.531.715.003	490.089.562	450.000.000	3.571.804.565
- Thuế TNCN	164.068.364	-	-	164.068.364
- Thuế tài nguyên	1.241.245.159			1.241.245.159
- Phí môi trường	13.674.048			13.674.048
- Các loại thuế khác	99.048.441	-	-	99.048.441
<b>Cộng</b>	<b>6.269.479.297</b>	<b>16.823.157.048</b>	<b>8.391.533.742</b>	<b>6.309.568.861</b>

b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

- Chi phí kiểm toán
- Chi phí lãi vay

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	70.000.000	80.000.000
	400.876.000	163.438.000
<b>Cộng</b>	<b>470.876.000</b>	<b>243.438.000</b>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

- Bảo hiểm xã hội
  - Bảo hiểm y tế
  - Bảo hiểm thất nghiệp
  - Phải trả, phải nộp khác
- Cộng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	153.553.655	153.553.655
	35.608.793	35.608.793
	23.919.077	23.919.077
	91.940.698	91.940.698
<b>Cộng</b>	<b>305.022.223</b>	<b>305.022.223</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị : VND

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	62.700.000.000	28.059.106.364	1.591.850.090		825.669.604	93.176.626.058
Tăng vốn trong năm trước	200.000.000.000					200.000.000.000
Lãi trong năm trước					593.485.111	593.485.111
Tăng khác		-				-
Giảm vốn trong năm trước						-
Phân phối lợi nhuận						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác					-	-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>262.700.000.000</b>	<b>28.059.106.364</b>	<b>1.591.850.090</b>		<b>1.419.154.715</b>	<b>293.770.111.169</b>
Tăng vốn trong năm nay	28.055.000.000					28.055.000.000
Lãi trong năm nay					1.661.286.314	1.661.286.314
Tăng khác						-
Giảm vốn trong năm nay						-
Lỗ trong năm nay						-
Giảm khác		28.055.000.000				28.055.000.000
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>290.755.000.000</b>	<b>4.106.364</b>	<b>1.591.850.090</b>		<b>3.080.441.029</b>	<b>295.431.397.483</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	290.755.000.000	262.700.000.000
<b>Cộng</b>		<b>290.755.000.000</b>	<b>262.700.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	262.700.000.000	62.700.000.000
- Vốn góp tăng trong năm (i)	28.055.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	290.755.000.000	262.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

(i) Trong năm Công ty tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần là 28.055.000.000 VND theo:

+ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ/KHB ngày 10 tháng 04 năm 2015 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình.

+ Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần 5 số 115/2010/GCNCP-VDS-5 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt nam cấp ngày 16 tháng 10 năm 2015.

**d) Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.075.500	26.270.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.075.500	26.270.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.075.500	26.270.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.075.500	26.270.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.075.500	26.270.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

**e) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.661.286.314	593.485.111
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	1.661.286.314	593.485.111
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	26.270.000	11.197.432
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>63</b>	<b>53</b>

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.591.850.090	1.591.850.090
- Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp		

**g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.**

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**

**1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thép	20.888.761.440	-
- Doanh thu bán đá	736.000.000	9.751.758.540
- Doanh thu bán quặng sắt	41.052.552.020	7.614.244.000
- Doanh thu bán máy móc	9.060.000.000	15.053.220.000
- Doanh thu bán gạch	4.443.500.000	-
- Doanh thu bán thạch anh	1.893.524.102	900.000.000
- Doanh thu bán hàng hóa khác	1.341.000.000	6.167.503.600
<b>Cộng</b>	<b>79.415.337.562</b>	<b>39.486.726.140</b>

**2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán thép	20.399.557.440	-
- Giá vốn bán đá	680.000.000	9.421.443.038
- Giá vốn bán quặng sắt	39.483.813.020	7.524.733.040
- Giá vốn bán máy móc	8.779.420.451	14.816.150.000
- Giá vốn bán gạch	3.978.250.000	-
- Giá vốn bán thạch anh	1.363.041.521	372.639.552
- Giá vốn bán hàng hóa khác	1.215.936.672	4.833.339.732
<b>Cộng</b>	<b>75.900.019.104</b>	<b>36.968.305.362</b>

**4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	430.996.393	6.565.954
<b>Cộng</b>	<b>430.996.393</b>	<b>6.565.954</b>

**5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	197.438.000	205.659.388
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>197.438.000</b>	<b>205.659.388</b>

**6 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
Khấu hao tài sản không sử dụng	76.303.950	-
Chi phí khác	47.622	479.382.600
<b>Cộng</b>	<b>76.351.572</b>	<b>479.382.600</b>

**7 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	1.332.224.685	900.174.422
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	1.139.240.233	467.244.000
+ Chi phí nhân công	492.200.000	282.244.000
+ Chi phí tư vấn, kiểm toán	179.090.909	185.000.000
+ Chi phí khấu hao	467.949.324	72.721.590
- Các khoản chi phí QLDN khác	192.984.452	432.930.422
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ:	188.924.718	119.380.000
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	187.200.000	119.380.000
+ Chi phí nhân công	187.200.000	119.380.000
- Các khoản chi phí bán hàng khác	1.724.718	-
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa		
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác		
- Các khoản ghi giảm khác		
<b>Cộng</b>	<b>1.521.149.403</b>	<b>1.019.554.422</b>

**8 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.151.375.876	824.997.360
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	76.303.950	-
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Số lỗ được chuyển từ các năm trước		
Tổng thu nhập chịu thuế	2.227.679.826	824.997.360
Thuế suất thuế TNDN	22%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>490.089.562</b>	<b>231.512.249</b>

**9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	240.767.222	344.969.016
Chi phí nhân công	745.080.000	522.052.273
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.647.233.346	2.282.673.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.317.392.731	2.119.782.563
Chi phí bằng tiền khác	105.983.612	36.712.422
<b>Cộng</b>	<b>5.056.456.911</b>	<b>5.306.189.753</b>

**VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

**IX. Những thông tin khác**

**1 . NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC**

**2 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-BN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Năm trước

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Quặng sắt</b>	<b>Đá</b>	<b>Máy móc</b>	<b>Thép</b>	<b>Khác</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.614.244.000	9.751.758.540	15.053.220.000	-	7.067.503.600	39.486.726.140
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>7.614.244.000</b>	<b>9.751.758.540</b>	<b>15.053.220.000</b>	<b>-</b>	<b>7.067.503.600</b>	<b>39.486.726.140</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	89.510.960	330.315.502	237.070.000	-	1.861.524.316	2.518.420.778
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						1.019.554.422
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						1.498.866.356
Doanh thu hoạt động tài chính						6.565.954
Chi phí tài chính						205.659.388
Thu nhập khác						4.607.038
Chi phí khác						479.382.600
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						231.512.249
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>						<b>593.485.111</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>						<b>1.446.000.000</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>						<b>2.295.531.867</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ( trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>						

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thông Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Mẫu số B09-BN**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị : VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Quặng sắt</b>	<b>Đá</b>	<b>Máy móc</b>	<b>Thép</b>	<b>Khác</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>
<b>Số cuối năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	27.100.652.737	485.867.003	5.980.917.183	13.789.619.452	5.068.612.173	52.425.668.549
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						300.823.471.112
<b>Tổng tài sản</b>						<b>353.249.139.661</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	25.151.264.625	450.917.905	5.550.701.389	12.797.712.707	4.704.019.762	48.654.616.388
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						9.163.125.790
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>57.817.742.178</b>
<b>Số đầu năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	49.813.516.254	63.797.454.159	98.480.403.196	-	46.236.659.274	258.328.032.883
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						61.150.629.032
<b>Tổng tài sản</b>						<b>319.478.661.915</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.613.402.474	4.627.777.681	7.143.630.070	-	3.353.942.295	18.738.752.520
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						6.969.798.226
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>25.708.550.746</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-BN

**3.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý****Năm nay**

Chỉ tiêu	Vĩnh Phúc	Yên Bái	Hà Nội	Hòa Bình	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	329.081.826	32.852.561.440	31.887.551.353	14.346.142.940	-	79.415.337.559
Tài sản bộ phận	33.630.317	3.357.347.534	3.258.728.915	1.466.095.352		8.115.802.118
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					-	-

**Năm trước**

Chỉ tiêu	Phú Thọ	Hà Nam	Yên Bái	Hà Nội	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	2.017.720.000	1.375.000.000	59.247.337.440	1.860.160.000	9.698.240	39.486.726.140
Tài sản bộ phận	179.582.832	1.068.329.094	3.750.975.463	2.352.241.631	2.361.751	9.839.339.414
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					-	1.446.000.000

#### 4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

##### 4.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

##### Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

##### 4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

##### Ảnh hưởng của rủi ro tài

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	79.459.682	12.630.615
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	101.500.000.000	76.887.250.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.646.423.378	54.241.425.152
<b>Cộng</b>	<b>138.225.883.060</b>	<b>131.141.305.767</b>

##### 4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay	1.974.380.000			1.974.380.000
Phải trả người bán	48.654.616.388			48.654.616.388
Chi phí phải trả	470.876.000			470.876.000
Phải trả khác	305.022.223			305.022.223
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản vay	2.624.380.000			2.624.380.000
Phải trả người bán	16.114.372.520			16.114.372.520
Chi phí phải trả	243.438.000			243.438.000
Phải trả khác	305.022.223			305.022.223

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 4.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

##### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

##### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

##### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

**4.5 Giá trị hợp lý**

Đơn vị : VND

**- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<b>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	197.733.484	197.733.484	84.979.256	84.979.256
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.646.423.378	(*)	54.241.425.152	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	150.000.000.000	(*)	150.000.000.000	(*)
<b>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</b>				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	101.500.000.000	(*)	76.887.250.000	(*)
<b>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</b>				
- Vay ngắn hạn	(1.974.380.000)	(1.974.380.000)	(2.624.380.000)	(2.624.380.000)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(48.959.638.611)	(48.959.638.611)	(16.419.394.743)	(16.419.394.743)
- Vay dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>237.410.138.251</b>	<b>(*)</b>	<b>262.169.879.665</b>	<b>(*)</b>

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

**- Cơ sở xác định giá trị hợp lý***Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn*

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5. Thông tin về các bên liên quan***a) Trong năm, Công ty có giao dịch và số dư tại ngày 31/12/2015 với các bên liên quan như sau:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>Giá trị giao dịch</u>	<u>Số dư cuối năm (VND)</u>
Công ty Cổ phần KS & VLXD Gia Lai	Bà Phạm Thị Hinh là Chủ tịch HĐQT	Mua hàng	13.535.098.500	13.535.098.500
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	Công ty đầu tư góp vốn	Mua hàng	16.544.188.254	1.061.511.000
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	Công ty đầu tư góp vốn	Bán hàng	36.021.852.584	23.805.252.584
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu	Ông Lê Hữu Lộc là thành viên HĐQT	Mua hàng	2.046.176.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu	Ông Lê Hữu Lộc là thành viên HĐQT	Bán hàng	15.780.757.234	-
Ông Lê Hữu Lộc	Giám đốc	Vay công ty	39.300.000.000	39.300.000.000
Ông Lê Hữu Lộc	Giám đốc	Tạm ứng	369.419.000	824.919.000

*b). Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Ban Giám đốc, kế toán trưởng:*

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay VND</u>
Ông Lê Hữu Lộc	Giám đốc	69.600.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Kế toán trưởng	49.200.000

**6. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT và phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các chỉ tiêu thay đổi do phân loại lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính như sau:

**1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<u>TÀI SẢN</u>	<u>Mã số theo Thông tư 200/2014/TT-BTC</u>	<u>Nội dung thay đổi</u>	<u>Số đầu năm trên báo cáo tài chính năm 2015</u>	<u>Số cuối năm trên báo cáo tài chính năm 2014</u>
A. Tài sản ngắn hạn				
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	Chuyển từ tài sản ngắn hạn khác sang	54.527.290.374	25.505.318.376
6. Các khoản phải thu khác	136		29.281.971.998	260.000.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	Chuyển sang phải thu ngắn hạn khác	1.499.965.484	30.521.937.482
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	29.021.971.998

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

**1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp)**

TÀI SẢN	Mã số theo Thông tư 200/2014/TT- BTC	Nội dung thay đổi	Số đầu năm trên báo cáo tài chính năm 2015	Số cuối năm trên báo cáo tài chính năm 2014
<b>B. Tài sản dài hạn</b>				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	Chuyển từ đầu tư dài hạn khác sang	150.000.000.000	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		150.000.000.000	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	Chuyển từ đầu tư dài hạn khác sang	61.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	252		61.000.000.000	-
		Chuyển sang phải thu dài hạn khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	211.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>				
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	Chuyển từ quỹ dự phòng tài chính sang	1.591.850.090	1.150.231.189
9. Quỹ dự phòng tài chính	419		-	441.618.901

**7. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8. Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hòa Bình, ngày 20 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết

Giám đốc



Lê Hữu Lộc